

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

Appendix CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của  
TGD SGDC TP HCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDC TP HCM)  
(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCM on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock  
Exchange on Disclosure of Information Regulation on Hochiminh Stock Exchange)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
CĂN NHÀ MƠ ƯỚC  
DREAM HOUSE  
INVESTMENT CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: 061 /2018/DRH-CBTT

TP. HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2018

Ho Chi Minh City, Apr 19<sup>th</sup> 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ  
NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON  
THE STATE SECURITIES  
COMMISSION'S PORTAL AND  
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S  
PORTAL**

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức/ *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC/  
*DREAM HOUSE INVESTMENT CORPORATION*
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: DRH
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Tầng 9, Central Park, 117-119-121 Nguyễn Du, Phường Bến  
Thành, Quận 1, TP HCM/ *9<sup>th</sup>Floor, Central Park, 117-119-121 Nguyen Du Street, Ben  
Thanh Ward, District 1, Ho Chi Minh City*
- Điện thoại/ *Telephone*: 028. 3822 3771
- Fax: 028. 3822 3727
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Trần Hoàng Anh  
*Chức vụ/ Position*: Phó Tổng Giám đốc/ *Deputy General Director*

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu  
*Information disclosure type:  Periodic  Irregular  24 hours  On demand*

**Nội dung thông tin công bố (\*)/ Content of Information disclosure (\*):**

Công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng quý 1.2018/ *Disclosure regarding Quarter I  
2018 Separate Financial Statements.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/04/2018 tại đường dẫn: <http://www.dreamhouse.vn>

*This information was disclosed on Company's Portal on Apr 19<sup>th</sup> 2018 Available at: <http://www.dreamhouse.vn>*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.*

Tài liệu đính kèm/ Attachment:

- BCTC riêng Quý 1.2018
- Q1 2018 Separate Financial Statements.

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người UQ CBTT

Party authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



**TRẦN HOÀNG ANH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2018**

---

**Tháng 04 năm 2018**



**MỤC LỤC**

**NỘI DUNG**

**TRANG**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	2 -3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	06 - 19



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/03/2018	Tại 01/01/2018
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>167.194.853.246</b>	<b>118.636.637.489</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	16.100.948.215	23.556.079.327
Tiền	111		16.100.948.215	23.556.079.327
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		615.703.800	581.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		1.452.192.233	1.417.488.433
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(836.488.433)	(836.488.433)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		149.552.576.579	93.451.022.646
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	22.889.788.180	18.582.821.920
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		493.764.275	95.235.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		26.231.255.110	13.115.627.555
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	99.937.769.014	61.657.338.171
Tài sản ngắn hạn khác	150		925.624.652	1.048.535.516
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	925.624.652	912.766.501
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	135.769.015
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.060.315.888.839</b>	<b>732.951.358.259</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		52.933.125.791	40.449.718.666
Phải thu về cho vay dài hạn	215		51.830.289.791	39.346.882.666
Phải thu dài hạn khác	216	7	1.102.836.000	1.102.836.000
Tài sản cố định	220		1.167.109.718	1.271.181.200
Tài sản cố định hữu hình	221	8	565.097.386	626.167.990
- Nguyên giá	222		1.167.478.317	1.167.478.317
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(602.380.931)	(541.310.327)
Tài sản cố định vô hình	227	8	602.012.332	645.013.210
- Nguyên giá	228		860.017.600	860.017.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(258.005.268)	(215.004.390)
Tài sản dở dang dài hạn	240	9	3.701.218.506	3.620.542.929
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		3.445.738.929	3.445.738.929
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		255.479.577	174.804.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	1.001.325.809.950	686.053.857.883
Đầu tư vào công ty con	251		604.890.000.000	406.890.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		380.529.474.422	263.257.522.355
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		25.040.700.000	25.040.700.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(9.134.364.472)	(9.134.364.472)
Tài sản dài hạn khác	260		1.188.624.874	1.556.057.581
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.164.954.033	1.532.386.740
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		23.670.841	23.670.841
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.227.510.742.085</b>	<b>851.587.995.748</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG(TIẾP)**  
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/03/2018	Tại 01/01/2018
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>584.804.418.352</b>	<b>222.639.103.468</b>
Nợ ngắn hạn	310		532.938.128.561	183.256.220.802
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	8.161.648	8.161.648
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.347.475.944	336.520.377
Phải trả người lao động	314		1.258.416.293	318.654.216
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	190.000.000	190.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	300.127.688.718	77.490.597.163
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	229.529.149.393	101.989.423.341
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		477.236.565	2.922.864.057
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>51.866.289.791</b>	<b>39.382.882.666</b>
Phải trả dài hạn khác	337	15	36.000.000	36.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	51.830.289.791	39.346.882.666
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>642.706.323.733</b>	<b>628.948.892.280</b>
Vốn chủ sở hữu	410	17	642.706.323.733	628.948.892.280
Vốn góp của chủ sở hữu	411		490.000.000.000	490.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		490.000.000.000	490.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		48.482.061.620	48.482.061.620
Quỹ đầu tư phát triển	418		7.298.065.118	7.298.065.118
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		96.926.196.995	83.168.765.542
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		83.168.765.542	58.931.104.908
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.757.431.453	24.237.660.634
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.227.510.742.085</b>	<b>851.587.995.748</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2018

Người lập biểu



Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng



Lê Thị Thuần

Tổng Giám Đốc



Phan Tấn Đạt

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
 Quý 1 năm 2018

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 1	
		Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	7.869.969.327	15.164.238.499
Các khoản giảm trừ doanh thu		-	
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>7.869.969.327</b>	<b>15.164.238.499</b>
Giá vốn hàng bán	19	2.977.299.624	2.804.893.549
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>4.892.669.703</b>	<b>12.359.344.950</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	18	25.320.311.734	4.467.190.674
Chi phí tài chính	20	5.573.091.753	3.145.932.802
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>5.556.727.028</i>	<i>4.721.860.986</i>
Chi phí bán hàng		-	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	10.887.472.211	10.999.195.143
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>13.752.417.473</b>	<b>2.681.407.679</b>
Thu nhập khác	22	5.013.980	7.859.370
Chi phí khác	22	-	
<b>Lợi nhuận khác</b>		<b>5.013.980</b>	<b>7.859.370</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>13.757.431.453</b>	<b>2.689.267.049</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	-	554.223.644
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>13.757.431.453</b>	<b>2.135.043.405</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2018

Người lập biểu



Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng



Lê Thị Thuần



Tổng Giám Đốc

Phan Tấn Đạt



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Quý 1 năm 2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/18- 31/03/18 VND	Từ 01/01/17- 31/03/17 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		13.757.431.453	2.689.267.049
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		104.071.482	98.910.762
Các khoản dự phòng	03		-	(1.699.900.081)
Lãi hoạt động đầu tư	05		(25.320.311.734)	(4.407.859.370)
Chi phí lãi vay	06		5.556.727.028	4.721.860.986
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>(5.902.081.771)</b>	<b>1.402.279.346</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(19.327.757.363)	23.566.322.304
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		224.101.095.720	(4.182.443.868)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(354.574.556)	57.802.170
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		(34.703.800)	5.807.742.299
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.098.184.255)	(4.721.860.986)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.708.884.689)	(847.174.275)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>191.674.909.286</b>	<b>21.082.666.990</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(80.675.577)	2.475.495.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(25.599.034.680)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(315.271.952.067)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	4.758.900.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.798.488.749	2.814.757
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(339.153.173.575)</b>	<b>7.237.209.757</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		145.223.133.177	22.280.431.807
Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.200.000.000)	(57.120.209.402)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>140.023.133.177</b>	<b>(34.839.777.595)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		<b>(7.455.131.112)</b>	<b>(6.519.900.848)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	23.556.079.327	7.801.217.241
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	16.100.948.215	1.281.316.393

Người lập biểu



Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng



Lê Thị Thuần

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2018



Tổng Giám Đốc



Phan Tấn Đạt



# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC**

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn từ 01/01/18 đến 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

### **1.1 THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Đầu tư Căn nhà Mơ Ước (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103004401 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/03/2006 và các GCNĐKKD thay đổi khác

Trụ sở giao dịch: Tầng 9, Central Park, 117-119-121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày 13 tháng 07 năm 2010, Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu DRH.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; môi giới bất động sản và đầu tư tài chính..

### **1.2 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

## **2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **2.1 KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

### **2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính quý 1 năm 2018.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **4.1 CÁC LOẠI TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam. Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền được áp dụng bên Có Tài khoản tiền ngoại tệ và áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế khi phát sinh các nghiệp vụ bên Nợ Tài khoản tiền. Riêng trường hợp rút quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ kế toán.

### **4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC**

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn từ 01/01/18 đến 31/03/2018

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

#### **4.4 NỢ PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung cho Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

#### **4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh phải được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

#### **4.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### **4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

#### **4.8 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ VÀ KHẤU HAO**

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

#### **4.9 XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Công ty tập hợp các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng công trình, đây là chi phí xây dựng TSCĐ hoặc bất động sản đầu tư. Bất động sản xây dựng sử dụng cho nhiều mục đích, như làm văn phòng, cho thuê hoặc để bán,... Khi công trình, dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, kế toán căn cứ cách thức sử dụng tài sản trong thực tế để kết chuyển chi phí đầu tư xây dựng phù hợp với bản chất của từng loại tài sản.

#### **4.10 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP KHÁC**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn từ 01/01/18 đến 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 4.11 NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc quy định chung về tỷ giá hối đoái và chênh lệch tỷ giá hối đoái, hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá.

### 4.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

### 4.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/06/2015 hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 4.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công cụ tài chính gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân loại phù hợp với Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ tài chính hướng dẫn "Áp dụng chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với Công cụ tài chính".

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/03/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
Tiền mặt	88.514.981	224.900.112
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.012.433.234	23.331.179.215
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.100.948.215</b>	<b>23.556.079.327</b>

## 6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 31/03/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	22.889.788.180	18.582.821.920
<b>Tổng cộng</b>	<b>22.889.788.180</b>	<b>18.582.821.920</b>

## 7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/03/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
Ngắn hạn	99.937.769.014	61.657.338.171
Dài hạn	1.102.836.000	1.102.836.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>101.040.605.014</b>	<b>62.760.174.171</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC**

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn từ 01/01/18 đến 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại 01/01/2018	103.832.610	1.063.645.707	1.167.478.317
Tại 31/03/2018	103.832.610	1.063.645.707	1.167.478.317
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Tại 01/01/2018	103.832.610	437.477.717	541.310.327
Khấu hao trong kỳ	-	61.070.604	61.070.604
Tại 31/03/2018	103.832.610	498.548.321	602.380.931
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại 01/01/2018	-	626.167.990	626.167.990
Tại 31/03/2018	-	565.097.386	565.097.386

**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính
	VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại 01/01/2018	860.017.600
Tại 31/03/2018	860.017.600
<b>Hao mòn lũy kế</b>	
Tại 01/01/2018	215.004.390
Khấu hao trong kỳ	43.000.878
Tại 31/03/2018	258.005.268
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại 01/01/2018	645.013.210
Tại 31/03/2018	602.012.332

**9. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	Tại 31/03/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	3.445.738.929	3.445.738.929
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	255.479.577	174.804.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.701.218.506</b>	<b>3.620.542.929</b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 31/03/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
Ngắn hạn	925.624.652	912.766.501
Dài hạn	1.164.954.033	1.532.386.740
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.090.578.685</b>	<b>2.445.153.241</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC**

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn từ 01/01/18 đến 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Tại 31/03/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>604.890.000.000</b>	-	<b>406.890.000.000</b>	-
Công ty CP Địa ốc An Phú Long	109.890.000.000	-	109.890.000.000	-
Công ty CP KD & PT BĐS Đông Sài Gòn	297.000.000.000	-	297.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu Tư Bất Động Sản Bình Đông	198.000.000.000	-	-	-
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>380.529.474.422</b>	-	<b>263.257.522.355</b>	-
Công ty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	380.529.474.422	-	263.257.522.355	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>25.040.700.000</b>	<b>(9.134.364.472)</b>	<b>25.040.700.000</b>	<b>(9.134.364.472)</b>
Công ty CP Căn nhà Mơ ước Đông Nam	5.500.000.000	(830.055.092)	5.500.000.000	(830.055.092)
Công ty CP Căn nhà Mơ Ước Cửu Long	19.540.700.000	(8.304.309.380)	19.540.700.000	(8.304.309.380)
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.010.460.174.422</b>	<b>(9.134.364.472)</b>	<b>695.188.222.355</b>	<b>(9.134.364.472)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC**

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn từ 01/01/18 đến 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/03/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
Phải trả nhà cung cấp khác	8.161.648	8.161.648
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.161.648</b>	<b>8.161.648</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2018 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Tại 31/03/2018 VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	303.952.047	-	303.952.047
Thuế thu nhập doanh nghiệp	65.641.911	-	-	65.641.911
Thuế thu nhập cá nhân	270.878.466	1.479.219.871	772.216.351	977.881.986
Các khoản phải nộp khác		4.000.000	4.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>336.520.377</b>	<b>1.787.171.918</b>	<b>776.216.351</b>	<b>1.347.475.944</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 31/03/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	190.000.000	190.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>190.000.000</b>	<b>190.000.000</b>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Tại 31/03/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
Ngắn hạn	300.127.688.718	77.490.597.163
Dài hạn	36.000.000	36.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>300.163.688.718</b>	<b>77.526.597.163</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC**  
 Báo cáo tài chính riêng  
 Cho giai đoạn từ 01/01/18 đến 31/03/2018  
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

**16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Tại 31/03/2018	Tăng	Giảm	Tại 01/01/2018
Vay ngắn hạn	229.529.149.393	132.739.726.052	5.200.000.000	101.989.423.341
Vay dài hạn	51.830.289.791	25.599.034.680	13.115.627.555	39.346.882.666
<b>Tổng cộng</b>	<b>281.359.439.184</b>	<b>158.338.760.732</b>	<b>18.315.627.555</b>	<b>141.336.306.007</b>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 CỐ PHIẾU**

Số lượng cổ phiếu

	Tại 31/03/2018	Tại 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49.000.000	49.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	49.000.000	49.000.000
Cổ phiếu phổ thông	49.000.000	49.000.000

Mệnh giá cổ phiếu (10.000 VND/Cổ phiếu)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC**  
 Báo cáo tài chính riêng  
 Cho giai đoạn từ 01/01/18 đến 31/03/2018  
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( tiếp theo)

**17.2 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>48.482.061.620</b>	<b>1.441.359.867</b>	<b>71.616.344.704</b>	<b>611.539.766.191</b>
Lãi trong năm	-	-	24.237.660.634	24.237.660.634
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	5.856.705.251	(5.856.705.251)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.856.705.251)	(5.856.705.251)
Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2017	-	-	(971.829.294)	(971.829.294)
<b>Tại 31/12/2017</b>	<b>48.482.061.620</b>	<b>7.298.065.118</b>	<b>83.168.765.542</b>	<b>628.948.892.280</b>
<b>Tại 01/01/2018</b>	<b>48.482.061.620</b>	<b>7.298.065.118</b>	<b>83.168.765.542</b>	<b>628.948.892.280</b>
Lãi trong kỳ	-	-	13.757.431.453	13.757.431.453
<b>Tại 31/03/2018</b>	<b>48.482.061.620</b>	<b>7.298.065.118</b>	<b>96.926.196.995</b>	<b>642.706.323.733</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC**

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn từ 01/01/18 đến 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( tiếp theo)

**18. DOANH THU****18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Tại 01/01/2018- 31/03/2018 VND	Tại 01/01/2017- 31/03/2017 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.869.969.327	12.389.463.954
Doanh thu bán đất động sản đầu tư	-	865.454.545
Doanh thu bán hàng	-	1.909.320.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.869.969.327</b>	<b>15.164.238.499</b>

**18.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Tại 01/01/2018- 31/03/2018 VND	Tại 01/01/2017- 31/03/2017 VND
Lãi tiền gửi	4.265.589	67.190.674
Lãi chuyển nhượng vốn góp	-	4.400.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.522.400.000	-
Lãi vay	1.793.646.145	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.320.311.734</b>	<b>4.467.190.674</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Tại 01/01/2018- 31/03/2018 VND	Tại 01/01/2017- 31/03/2017 VND
Giá vốn bất động sản	-	912.797.549
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	1.892.096.000
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.977.299.624	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.977.299.624</b>	<b>2.804.893.549</b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Tại 01/01/2018- 31/03/2018 VND	Tại 01/01/2017- 31/03/2017 VND
Chi phí lãi vay	5.556.727.028	4.721.860.986
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(1.699.900.081)
Chi phí khác	16.364.725	123.971.897
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.573.091.753</b>	<b>3.145.932.802</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC**

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn từ 01/01/18 đến 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( tiếp theo)

**21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Tại 01/01/2018- 31/03/2018 VND	Tại 01/01/2017- 31/03/2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.576.980.605	6.475.884.436
Chi phí khấu hao và hao mòn	510.532.188	419.936.561
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.549.056.522	2.856.533.068
Chi phí khác	250.902.896	1.246.841.078
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.887.472.211</b>	<b>10.999.195.143</b>

**22. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Tại 01/01/2018- 31/03/2018 VND	Tại 01/01/2017- 31/03/2017 VND
Thu nhập khác	5.013.980	7.859.370
Chi phí khác	-	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>5.013.980</b>	<b>7.859.370</b>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Tại 01/01/2018- 31/03/2018 VND	Tại 01/01/2017- 31/03/2017 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>13.757.431.453</b>	<b>2.689.267.049</b>
Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế	13.472.354	81.851.169
- Chi phí không được trừ	13.472.354	81.851.169
Điều chỉnh giảm các khoản thu nhập chịu thuế	23.522.400.000	-
- Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia	23.522.400.000	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(9.751.496.193)	2.771.118.218
Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(9.751.496.193)	2.818.461.222
Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	(47.343.004)
Tổng thu nhập tính thuế TNDN	(9.751.496.193)	2.771.118.218
Thuế suất (%)	20	20
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>554.223.644</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC**

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn từ 01/01/18 đến 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( tiếp theo)

**24. BÁO CÁO BỘ PHẬN****Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Từ 01/01/18-31/03/18

	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Doanh thu bán bất động sản	Doanh thu bán hàng	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bộ phận	7.869.969.327	-	-	7.869.969.327
Chi phí bộ phận	(2.977.299.624)	-	-	(2.977.299.624)
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>4.892.669.703</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.892.669.703</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(10.887.472.211)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>				<b>(5.994.802.508)</b>
Doanh thu tài chính				25.320.311.734
Chi phí tài chính				(5.573.091.753)
Thu nhập khác				5.013.980
Chi phí khác				-
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>				<b>13.757.431.453</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành				-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>-</b>
Tổng tài sản				<b>13.757.431.453</b>
Tổng nợ phải trả				<b>1.227.510.742.085</b>
				<b>584.804.418.352</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÁN NHÀ MƠ ƯỚC**  
 Báo cáo tài chính riêng  
 Cho giai đoạn từ 01/01/18 đến 31/03/2018  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( tiếp theo)**  
**24 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp)**

Từ 01/01/17-31/03/17

	Doanh thu cung cấp dịch vụ VND	Doanh thu bán bất động sản VND	Doanh thu bán hàng VND	Cộng VND
Doanh thu thuần bộ phận	12.389.463.954	865.454.545	1.909.320.000	15.164.238.499
Chi phí bộ phận	-	(912.797.549)	(1.892.096.000)	(2.804.893.549)
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>12.389.463.954</b>	<b>(47.343.004)</b>	<b>17.224.000</b>	<b>12.359.344.950</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(10.999.195.143)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>				<b>1.360.149.807</b>
Doanh thu tài chính				4.467.190.674
Chi phí tài chính				(3.145.932.802)
Thu nhập khác				7.859.370
Chi phí khác				-
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>				<b>2.689.267.049</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(554.223.644)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>2.135.043.405</b>
Tổng tài sản				<b>781.557.702.004</b>
Tổng nợ phải trả				<b>167.882.892.408</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC**

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn từ 01/01/18 đến 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( tiếp theo)

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

	Tại 31/03/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.100.948.215	23.556.079.327
Đầu tư tài chính ngắn hạn	615.703.800	581.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	202.485.702.370	133.900.741.312
<b>Cộng</b>	<b>219.202.354.385</b>	<b>158.037.820.639</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	301.430.266.659	77.853.413.027
Chi phí phải trả	190.000.000	190.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	281.359.439.184	141.336.306.007
<b>Cộng</b>	<b>582.979.705.843</b>	<b>219.379.719.034</b>

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/03/2018</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	301.394.266.659	36.000.000	301.430.266.659
Chi phí phải trả	190.000.000	-	190.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	229.529.149.393	51.830.289.791	281.359.439.184
<b>Cộng</b>	<b>531.113.416.052</b>	<b>51.866.289.791</b>	<b>582.979.705.843</b>
<b>Tại 01/01/2018</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	77.817.413.027	36.000.000	77.853.413.027
Chi phí phải trả	190.000.000	-	190.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	101.989.423.341	39.346.882.666	141.336.306.007
<b>Cộng</b>	<b>179.996.836.368</b>	<b>39.382.882.666</b>	<b>219.379.719.034</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC**

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn từ 01/01/18 đến 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( tiếp theo)

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/03/2018</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.100.948.215	-	16.100.948.215
Đầu tư tài chính ngắn hạn	615.703.800	-	615.703.800
Phải thu khách hàng và phải thu khác	149.552.576.579	52.933.125.791	202.485.702.370
<b>Cộng</b>	<b>166.269.228.594</b>	<b>52.933.125.791</b>	<b>219.202.354.385</b>
<b>Tại 01/01/2018</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.556.079.327	-	23.556.079.327
Đầu tư tài chính ngắn hạn	581.000.000	-	581.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	93.451.022.646	40.449.718.666	133.900.741.312
<b>Cộng</b>	<b>117.588.101.973</b>	<b>40.449.718.666</b>	<b>158.037.820.639</b>

**26. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**27. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cứng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2018

Người Lập biểu

Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng

Lê Thị Thuần



Tổng Giám Đốc

Phan Tấn Đạt